

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC: 2025 - 2026
NHÀ TRẺ: 24 - 36 THÁNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
* <i>Phát triển vận động</i>			
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: Hít thở, tay, lưng /bụng và chân.	<ul style="list-style-type: none">- Hô hấp: Hít vào thật sâu, thở ra từ từ.- Tay:<ul style="list-style-type: none">+ 2 tay giơ lên cao, hạ xuống.+ 2 tay đưa ra phía trước+ 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống.+ 2 tay đưa ra phía sau kết hợp với lắc bàn tay.- Lưng, bụng, lườn:<ul style="list-style-type: none">+ Cúi về phía trước.+ Nghiêng người sang 2 bên+ Vặn người sang 2 bên.- Chân<ul style="list-style-type: none">+ Ngồi xuống, đứng lên.+ Co duỗi từng chân.	1,2,3,4,5,6,7,8,9 2, 5 1,3 4,6, 8 7,9 2,5,7 1,3,6 7,8,9 1,3,5,9 2,4,6,7,8
2	Trẻ biết phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	<ul style="list-style-type: none">- Bò thẳng hướng- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.- Bò chui qua cổng.- Bò qua vật cản.- Trườn qua vật cản	1 6,9 3 2,4,7 4,5
3	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none">- Đi theo hiệu lệnh.- Đi trong đường hẹp.- Đi có mang vật trên tay.- Chạy theo hướng thẳng.- Đứng co một chân.	1 2,8 3,5,7 5,7 4,6, 9
4	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->.1,2m. Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa về phía trước bằng 1 tay. (tối thiểu	<ul style="list-style-type: none">- Tung - bắt bóng cùng cô.- Ném bóng về phía trước.- Ném bóng vào đích.- Bật tại chỗ.- Bật qua vạch kẻ.- Bật qua vật cản	1,6,8 1,2,5,7 3,4 1,6,8 2,3 6

	1,5m)		
5	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "Múa khéo"	<ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách. 	1,2,3,5,9
6	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay, mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Rót, nhào, khuấy đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Chắp ghép hình. - Chồng xếp 6-8 khối. 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.			
7	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống: Ăn chín, uống sôi. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn uống vệ sinh. 	1, 2, 3,4,5,6,7,8,9
8	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập thói quen ngủ 1 giấc trưa. 	1, 2,3,4,5,6,7,8,9
9	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi qui định.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh. 	1,2,3,4,5,6,7,8,9
10	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước, uống, đi vệ sinh) <i>Biết tiết kiệm nước khi uống nước, rửa tay...</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập 1 số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, bỏ rác đúng nơi qui định. - Tập 1 số thao tác đơn giản trong rửa tay tay, lau mặt. - <i>Tập một số thói quen tiết kiệm nước trong sinh hoạt.</i> - Lấy gối chuẩn bị chỗ ngủ. 	1, 2, 4,5, 8
11	Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh, ...	<ul style="list-style-type: none"> - Tự phục vụ: Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, mặc quần áo khi trời lạnh. 	2,4, 8,9

12	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	1,6,8
13	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Một số hành động gây nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	1,2,4,7
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức.			
14	Trẻ nhận biết được đặc điểm nổi bật của đối tượng khi sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm.	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Nếm vị của một số thức ăn, hoa quả chua, ngọt, mặn. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì... 	2,4,5,6,7
15	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Trẻ sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. Đồ dùng đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp, của gia đình.	1, 2, 3,9
16	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Bản thân và những người thân gần gũi trong gia đình. - Cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. 	1,3
17	Trẻ nói được tên, chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Một số bộ phận cơ thể bên ngoài của con người.	2
18	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật, PTGT quen thuộc. <i>Nói được tên và một vài đặc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Một số phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ. - <i>Tên, đặc điểm nổi bật</i> 	2,3,4,5,6,7,8

	<i>điểm nổi bật của một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét...</i>	<i>của một số thiên tai hay xảy ra ở Điện Biên: Lũ lụt, mưa đá, Giông sét...</i>	
19	Trẻ chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Một số màu cơ bản.	1,2,3,4,5,6,8,9
20	Trẻ chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước. - Hình dạng. - Vị trí trong không gian so với bản thân trẻ. - Số lượng.	2,3,4, 6, 9
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ.			
* Nghe:			
21	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động: "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay"	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	1,2, 5,8
22	Trẻ trả lời được các câu hỏi: "Ai đây?" "Cái gì đây?" "...làm gì?" "...thế nào?"...	- Nghe các câu hỏi: "Cái gì? Làm gì? Để làm gì? Ở đâu? Như thế nào?"	1,2,3,4,5,6,7
23	Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. <i>Hiểu nội dung chuyện, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ;</i>	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Lắng nghe người lớn đọc sách tranh. <i>- Nghe kể chuyện, đọc thơ, xem tranh về Bác Hồ;</i>	2,3,4,5,6,8,9
* Nói.			
24	Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.	1,2, 6,7,8,9
	Trẻ đọc được bài thơ, ca	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ	

25	dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có gợi ý.	1,2,3, 5,7
26	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	2,4,5,7,9
27	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề mà trẻ quan tâm như: Con gì đấy? Cái gì đây?	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao? - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	3,4,5,6,8
28	- Nói to, đủ nghe, lễ phép - Nói được câu nói lễ phép: Cảm ơn, xin lỗi, vâng dạ....	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. (<i>Vâng, dạ, cảm ơn...</i>)	1,2,3,7,8

IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng XH và thẩm mỹ.

29	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên tuổi)	- Bên ngoài của bản thân.	2
30	Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.	- Một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	2
31	Trẻ biểu lộ thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ và lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh	3, 4,5, 8
32	Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi,. Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui buồn, sợ hãi qua nét mặt cử chỉ.	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui buồn, tức giận.	2,3
33	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi. Biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi; biết bảo vệ con vật ;	- Quan tâm đến những con vật nuôi. - Thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi; biết chăm sóc con vật ...	4

34	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ" "vâng ă"	1,2,3,4,5,7,8,9
35	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (t/c bế em, khuấy bột cho em, nghe điện thoại...)	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.	1,2,3,4,5,8
36	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi của bạn.	3,4,5,8,9
37	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của g/v - Thực hiện một số qui định đơn giản trong SH ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đ/ chơi vào nơi qui định.	2, 6,7,8
38	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc. <i>Nghe bài hát về Bác Hồ</i>	- Thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: nghe âm thanh của các nhạc cụ. Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. <i>- Nghe bài hát về Bác Hồ;</i>	1, 2,3,4,5,6,7,8,9
39	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, vò, xé, xếp hình. - Xem tranh.	1,2,3,4,5,6,7,8,9

Giáo viên

Chuyên môn duyệt